TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 3 - CÀ MAU** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 230/2025/DS-ST Ngày: 09-9-2025 V/v "tranh chấp hụi".	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Minh Luân.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Hoàng Giang.

Ông Trần Văn Giang.

- Thư ký phiên tòa: Ông Châu Sơn Ca - là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3-Cà Mau.

Ngày 09 tháng 9 năm 2025 tại Tòa án nhân dân Khu vực 3 – Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 244/2025/TLST-DS ngày 24 tháng 4 năm 2025 về việc *"Tranh chấp hụi"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 148/2025/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị H, sinh năm 1965 (có mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp R, xã N, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Minh N (có mặt).

Bà Lê Thị Cẩm T (vắng mặt).

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp B, xã N, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 11 tháng 3 năm 2025 cùng các văn bản kèm theo và tại phiên tòa nguyên đơn bà Trần Thị H trình bày:

- Ngày 30/7/2019 (âm lịch) ông Nguyễn Minh N và bà Lê Thị Cẩm T có mở dây hụi 1.000.000 đồng, gồm 60 phần (chưng), hụi khui mỗi tháng 02 lần vào ngày 15 và ngày 30 hàng tháng, bà Trần Thị H có tham gia 02 phần (chưng) hụi. Bà H đóng hụi đến lần thứ 43 thì ông N, bà T tuyên bố đình hụi, ông N, bà T còn nợ số tiền 86.000.000 đồng.

- Ngày 30/9/2020 (âm lịch) ông Nguyễn Minh N, bà Lê Thị Cẩm T có mở dây

hụi 1.000.000 đồng, gồm 75 phần, hụi khui mỗi tháng 02 lần vào ngày 15 và ngày 30 hàng tháng, bà H có tham gia 02 phần hụi. Bà H đóng hụi đến lần thứ 13 thì ông N, bà T tuyên bố đình hụi, ông N, bà T còn nợ số tiền 26.000.000 đồng.

- Ngày 15/02/2021 (âm lịch) ông Nguyễn Minh N, bà Lê Thị Cẩm T có mở dây hụi 1.000.000 đồng, gồm 60 phần, hụi khui mỗi tháng 02 lần vào ngày 15 và ngày 30 hàng tháng, bà H có tham gia 03 phần. Bà H đóng hụi đến lần thứ 04 thì ông N, bà T tuyên bố đình hụi. Ông N, bà T nợ số tiền 12.000.000 đồng, ông N, bà T có trả số tiền 4.000.000 đồng còn lại 8.000.000 đồng.

- Ngày 25/6/2024 (âm lịch) bà có tham gia dùm cho ông N, bà T 01 chưng hụi, loại hụi 1.000.000 đồng, gồm 54 phần, hụi khui mỗi tháng 02 lần vào ngày 10 và ngày 25 hàng tháng. Tham gia hụi đến lần thứ 05 thì ông N và bà T hốt hụi với số tiền là 41.900.000 đồng. Sau khi hốt hụi thì ông N, bà T có đóng 05 lần hụi chết, còn lại 44 lần hụi chết chưa đóng với số tiền là 44.000.000 đồng. Bà H đã nhiều lần yêu cầu ông N, bà T trả tiền nhưng cứ hẹn mà không trả. Tại phiên tòa nguyên đơn bà Trần Thị H yêu cầu Tòa án giải quyết, buộc bị đơn ông Nguyễn Minh N, bà Lê Thị Cẩm T trả tổng số tiền còn nợ hụi là 116.100.000 đồng (Một trăm mười sáu triệu một trăm nghìn đồng).

Nguyên đơn rút lại yêu cầu số tiền 44.000.000 đồng của dây hụi mở ngày 25/6/2024 (âm lịch) và rút lại số tiền 3.900.000 đồng (trừ tiền cò) đối với 03 dây hụi nêu trên.

Tại phiên tòa bị đơn ông Nguyễn Minh N trình bày:

Ông N có mở các dây hụi về thời gian mở hụi, số phần hụi bà Trần Thị H tham gia và việc đình hụi đúng như bà H trình bày. Ông N thừa nhận còn nợ bà H số tiền đúng như bà H yêu cầu, tuy nhiên do các hụi viên khác không đóng hụi chết cho ông nên ông không có tiền để thanh toán tiền nợ hụi cho bà H. Đối với phần (chưng) hụi nhờ bà H tham gia dùm đã hốt và hiện tại còn nợ 44.000.000 đồng đúng như bà H yêu cầu. Ông N không có ký tên nhận nợ nên không đồng ý trả tiền theo yêu cầu của nguyên đơn.

Đối với bị đơn bà Lê Thị Cẩm T đã được Tòa án đã tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý và các văn bản tố tụng nhưng bà T vắng mặt không có lý do và không có ý kiến gì yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Xét về thủ tục tố tụng: Bà Trần Thị H khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Minh N và bà Lê Thị Cẩm T trả tiền nợ hụi. Do đó, đây là tranh chấp dân sự về việc "*Tranh chấp hụi"* theo quy định tại Điều 26, Điều 35; Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân Khu vực 3-Cà Mau. Tòa án nhân dân Khu vực 3-Cà Mau thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thủ tục tố tụng.

[2] Xét về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn bà Lê Thị Cẩm T được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bà Lê Thị Cẩm T theo quy định.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Nguyên đơn bà Trần Thị H xác định, dây hụi mở ngày 30/7/2019 (âm lịch) bà H có tham gia 02 phần (chưng) hụi. Bà H đóng hụi đến lần thứ 43 thì ông N, bà T tuyên bố đình hụi, ông N, bà T nợ số tiền 86.000.000 đồng. Dây hụi mở ngày 30/9/2020 (âm lịch) bà H có tham gia 02 phần hụi. Bà H đóng hụi đến lần thứ 13 thì ông N, bà T tuyên bố đình hụi, ông N, bà T còn nợ số tiền 26.000.000 đồng. Dây hụi mở ngày 15/02/2021 (âm lịch), bà H có tham gia 03 phần. Bà H đóng hụi đến lần thứ 04 thì ông N, bà T tuyên bố đình hụi, ông N, bà T còn nợ số tiền 8.000.000 đồng. Tại phiên tòa nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền hụi là 116.100.000 đồng. Bị đơn ông Nguyễn Minh N thừa nhận ông có mở các dây hụi về thời gian mở hụi, số phần (chưng) hụi nguyên đơn tham gia và việc đình hụi đúng như nguyên đơn trình bày. Bị đơn thừa nhận còn nợ nguyên đơn số tiền hụi đúng như nguyên đơn yêu cầu. Do các hụi viên khác không đóng hụi chết cho bị đơn nên không có tiền để thanh toán nợ hụi cho nguyên đơn. Tuy nhiên bị đơn cho rằng không có ký tên nhận nợ nên không đồng ý trả tiền theo yêu cầu của nguyên đơn. Từ những căn cứ nêu trên, có cơ sở xác định giữa nguyên đơn và bị đơn có tham gia giao dịch hụi là thực tế xảy ra và còn nợ tiền hụi đúng như nguyên đơn yêu cầu.

[4] Xét yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu bị đơn Lê Thị Cẩm T có trách nhiệm cùng với bị đơn ông N trả số tiền nợ hụi 116.100.000 đồng. Xét thấy trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, đã tống đạt hợp lệ cho bà T nhưng bà T vẫn vắng mặt và không có ý kiến gì đối với yêu cầu của nguyên đơn. Như vậy bà T đã thừa nhận nợ nên không có ý kiến gì. Từ những căn cứ nêu trên, xét thấy yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ nên cần buộc bị đơn ông Nguyễn Minh N, bà Lê Thị Cẩm T trả cho nguyên đơn bà Trần Thị H số tiền 116.100.000 đồng là phù hợp.

[5] Xét đối với rút lại yêu cầu số tiền 44.000.000 đồng của dây hụi mở ngày 25/6/2024 (âm lịch) và rút lại số tiền 3.900.000 đồng (trừ tiền cò). Xét thấy việc rút yêu cầu của nguyên đơn là tự nguyện phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

[6] Xét về án phí: Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Nguyên đơn không có dự nộp tạm ứng án phí, được miễn dự nộp án phí thuộc thường hợp người cao tuổi. Bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 227, Điều 228, Điều 217 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 471, Điều 468 Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Trần Thị H, buộc bị đơn ông Nguyễn Minh N, bà Lê Thị Cẩm T trả cho bà H số tiền 116.100.000 đồng (Một trăm mười sáu triệu một trăm nghìn đồng).

Đình chỉ yêu cầu của nguyên đơn với số tiền 47.900.000 đồng (Bốn mươi bảy triệu chín trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị đơn không thi hành xong khoản tiền trên, thì phải chịu khoản tiền lãi chậm trả tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn ông Nguyễn Minh N và bà Lê Thị Cẩm T phải chịu 5.805.000 đồng (Năm triệu tám trăm lẻ năm nghìn đồng).

"Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7,7a,7b, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án đực niêm yết công khai.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND khu vực 3 – Cà Mau;
- Phòng THADS Khu vực 3-Cà Mau;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Minh Luân